

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SUPABASE

Dự án: The 350f Database

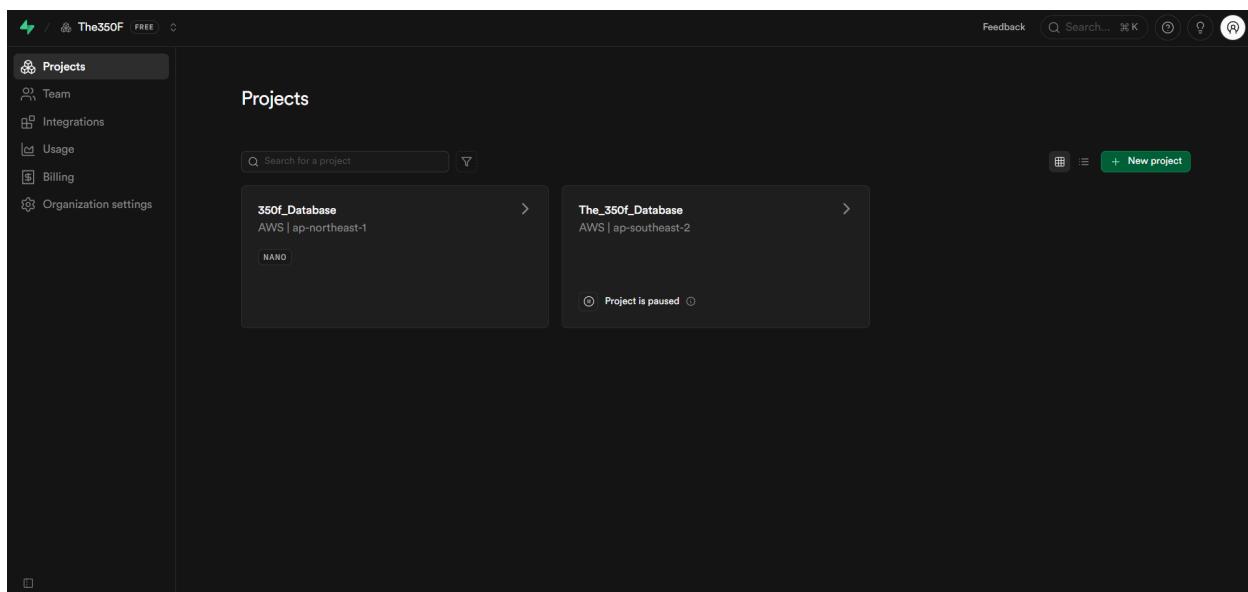
1. Supabase là gì?

Supabase là một nền tảng Backend-as-a-Service (BaaS), trong đó PostgreSQL là lõi cơ sở dữ liệu, kèm theo API, Auth, Storage và phân quyền. Supabase cung cấp giao diện quản lý dữ liệu trực tuyến giống bảng tính, nhưng thực chất dữ liệu được lưu trữ và quản lý bằng hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ PostgreSQL, cho phép xử lý dữ liệu lớn, bảo mật cao và tích hợp trực tiếp với backend, giúp:

- Lưu trữ thông tin người dùng
- Lưu trữ chi tiết danh sách sản phẩm
- Ghi nhận thông tin đơn hàng
- Ghi nhận lưu trữ chi tiết thông tin thanh toán của từng khách hàng
- Lưu phản hồi của khách hàng

Tất cả dữ liệu của website/app 350F đều được lưu tại đây.

2. Giao diện chính



Khi mở Supabase và chọn project **350f_Database**, sẽ thấy:

- **Tables:** hiển thị số lượng bảng dữ liệu (hiện tại có 7 bảng)
- **Auth / Storage / Realtime:** các tính năng nâng cao (chưa cần dùng nhiều)

Chủ yếu làm việc với **Table Editor** (chỉnh sửa bảng) và **SQL Editor** (truy vấn dữ liệu).

The screenshot shows the Table Editor interface in The360F Database. The left sidebar has a 'Table Editor' section selected. The main area displays the 'admin_users' table with the following data:

	username	password	created_at
1	admin	123456	2025-12-16 13:26:08
2	NgocGiau	123456	2025-12-08 15:15:53
3	NgocHan	123456	2025-12-08 15:14:34
4	TheAt	123456	2025-12-08 12:05:34
5	ThuyDuong	123456	2025-12-08 15:14:05

Below the table, there are buttons for 'Page 1 of 1', '100 rows', and '5 records'. The top right corner shows 'Feedback', 'Search...', 'Enable Realtime', and 'Postgres' buttons.

3. Table Editor – Quản lý dữ liệu

Vào menu **Table Editor** ở thanh bên trái, sẽ thấy danh sách các bảng dữ liệu.

Các bảng trong dự án

Tên bảng	Công dụng
users	Thông tin người dùng
admin_users	Tài khoản quản trị viên
products	Danh sách sản phẩm
cart_items	Giỏ hàng
orders	Đơn hàng
payments	Thông tin thanh toán
contacts	Phản hồi từ khách hàng

4. Hướng dẫn chi tiết từng bảng

4.1 Bảng **users** – Thông tin người dùng

users		
♂	◆ id	uuid
◆	username	text
◆	fullname	text
◆	✉ email	text
◆	phone	text
◆	address	text
◆	password	text
◇	created_at	timestamp

Công dụng: Lưu thông tin tài khoản của người dùng.

Các cột quan trọng:

- **id**: mã định danh người dùng (tự động tạo)
- **username**: tên đăng nhập
- **fullname**: họ và tên
- **email**: địa chỉ email

Lưu ý: Chỉ nên xem thông tin, không sửa thủ công để tránh lỗi hệ thống đăng nhập.

4.2 Bảng **admin_users** – Quản trị viên

admin_users	
◆ username	text
◆ password	text
◆ created_at	timestamp

Công dụng: Lưu tài khoản đăng nhập cho trang quản trị.

Các cột:

- **username:** tên đăng nhập admin
- **password:** mật khẩu
- **created_at:** ngày tạo tài khoản

Thao tác thường dùng:

- Thêm admin mới khi cần
- Kiểm tra danh sách admin hiện có

4.3 Bảng products – Sản phẩm

products		
♂	◆ id	uuid
◆	name	text
◆	price	int4
◇	image	text
◇	category	text
◇	created_at	timestamp
◇	is_active	bool

Công dụng: Quản lý toàn bộ sản phẩm được bán.

Các cột quan trọng:

- **id:** mã sản phẩm
- **name:** tên bánh
- **price:** giá bán (VND)
- **image:** đường dẫn hình ảnh
- **category:** phân loại (ví dụ: bánh ngọt, bánh mặn...)

Cách thao tác sửa sản phẩm trên :

- Nhấn nút **Insert** để thêm sản phẩm mới
- Click vào ô cần sửa để cập nhật giá hoặc tên

The screenshot shows the Table Editor for the 'products' table. The table structure is as follows:

	<code>id</code> <small>uuid</small>	<code>name</code> <small>text</small>	<code>price</code> <small>int4</small>	<code>image</code> <small>text</small>	<code>category</code> <small>text</small>
04ab3bc1-b371-47cb-be33-f4e697874e17	Giftset 6 Mix Vị	500000	./assets/6-Mix-vi.jpg	Bánh Mousse	
0sd12b7f-fa2a-46f9-bbea-2a48a6ds567	Mousse Dâu	540000	./assets/Dau.jpg	Bánh Mousse	
10580c7c-9814-435d-a659-b5924b440bd	Tiramisu Gold Version	200000	./assets/Tira-gold_dai-dien.jpg	Bánh Hộp Chiếc	
21c7709c-2e4c-4309-9648-6715a59a0e6f	Giftset 9 Mix Vị	660000	./assets/9-mix-vi.jpg	Bánh Mousse	
31fea08a-f7e8-4079-9584-d97cd0cb74a	Emerald Melon Cake	250000	./assets/DD-Dua-luoi-14.jpg	Bánh Hộp Chiếc	
3d923e1d-e10e-4984-a70f-2d08fca70762	Mousse Bưởi Hồng	540000	./assets/BuoHong.jpg	Bánh Mousse	
3f08cac3-fec7-4f9c-b0f8-74c3227ed674	Mousse Dừa Lưới	580000	./assets/Dua-luoi.jpg	Bánh Mousse	
57279b8e-0e80-4690-8305-418ec57d048	Giftset 6 (Nguyên set)	480000	./assets/6-nguyen-set.jpg	Bánh Mousse	
5fc4ff99-a21c-49af-92d2-b5bd9abb481	Emerald Melon Cake(10cm)	370000	./assets/Dua-luoi-thiec-dai-dien.jpg	Bánh Hộp Chiếc	
67b89b92-d2ff-4b50-b910-0e90c7794178	Matchamisu Gold Version	275000	./assets/matcha-tron-dai-dien.jpg	Bánh Hộp Chiếc	
6f9aoft33-ad31-4c27-a543-3776te287f00	Mousse Nhàn	540000	./assets/Nhan.jpg	Bánh Mousse	
f48de391-341b-48e6-ae85-627dd47524c5	Mousse Xoài	540000	./assets/Xoai.jpg	Bánh Mousse	
f733c9d2-e463-46eb-abef-ad3987cd10b	Mousse Blueberry	540000	./assets/Mousse-Blueberry.jpg	Bánh Mousse	
f9f9ae69-98d8-4edd-acd0-781d80df756	Tiramisu	580000	./assets/Tiramisu.jpg	Bánh Mousse	

4.4 Bảng orders – Đơn hàng

The screenshot shows the Table Definition for the 'orders' table. The table structure is as follows:

	<code>id</code> <small>int4</small>	<code>user_id</code> <small>uuid</small>	<code>customer_name</code> <small>text</small>	<code>customer_email</code> <small>text</small>	<code>customer_phone</code> <small>text</small>	<code>address</code> <small>text</small>	<code>total_amount</code> <small>int4</small>	<code>order_date</code> <small>timestamp</small>	<code>status</code> <small>text</small>
--	-------------------------------------	--	--	---	---	--	---	--	---

Công dụng: Lưu thông tin của mỗi đơn hàng khách đặt.

Các cột:

- `id`: mã đơn hàng

- `user_id`: người đặt hàng
- `customer_name`: tên khách hàng
- `customer_email`: email khách hàng
- `customer_phone`: số điện thoại

Ứng dụng:

- Xem lịch sử mua hàng
- Thống kê số lượng đơn theo thời gian

4.5 Bảng payments – Thanh toán

payments		
◆ id	int4	
◇ order_id	int4	
◆ payment_method	text	
◇ payment_date	timestamp	
◆ amount	int4	
◇ payer_name	text	
◇ payer_email	text	
◇ payer_phone	text	
◇ status	text	

Công dụng: Ghi nhận thông tin thanh toán của từng đơn hàng.

Các cột:

- `order_id`: liên kết với đơn hàng tương ứng
- `payment_method`: phương thức (COD, NGANHANG, VNPAY)
- `payment_date`: ngày thanh toán
- `amount`: số tiền
- `payer_name`: tên người thanh toán

Ứng dụng:

- Báo cáo doanh thu
- Phân tích hình thức thanh toán phổ biến

4.6 Bảng contacts – Phản hồi khách hàng

contacts		
♂	◆ # id	int8
◆	fullname	text
◆	email	text
◆	phone	text
◆	subject	text
◆	message	text
◇	created_at	timestamp

Công dụng: Lưu các phản hồi và ý kiến từ khách hàng.

Các cột:

- **fullname:** họ tên
- **email:** email liên hệ
- **phone:** số điện thoại
- **subject:** tiêu đề/nội dung

Ứng dụng: Theo dõi góp ý và đánh giá chất lượng dịch vụ.

4.7 Bảng cart_items – Giỏ hàng

cart_items		
♂	id	int4
◆	name	text
◆	price_at_add	int4
◆	quantity	int4
◆	image	text

Công dụng: Lưu tạm sản phẩm trong giỏ hàng của người dùng. Khi khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng dữ liệu sẽ được cập nhật vào đây.

Lưu ý: Bảng này hiện đang trống, chủ yếu phục vụ chức năng trên website.

5. Cách thêm dữ liệu mới

1. Chọn bảng cần thêm dữ liệu
2. Nhấn nút **Insert** (màu xanh lá)
3. Điền thông tin vào các ô
4. Nhấn **Save** để lưu

Áp dụng cho: products, contacts, admin_users

6. SQL Editor – Truy vấn

Vào **SQL Editor** nếu muốn:

- Thông kê tổng doanh thu
- Lọc dữ liệu phức tạp

Ví dụ đơn giản:

```
SELECT SUM(amount) FROM payments;
```

7. Những điều cần lưu ý

- **Không xóa dữ liệu**, đặc biệt là bảng orders và payments
- Không sửa các cột **id** hoặc **uuid** (mã định danh)
- Ưu tiên sử dụng **Table Editor** cho thao tác hàng ngày
- RLS (Row Level Security) đang tắt để dễ thao tác trong báo cáo